



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC
NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019

KPMG S. U.

KPMG S. U.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng

**Giấy phép Thành lập
Ngân hàng số**

576/GP-UB

ngày 8 tháng 10 năm 1992

Giấy phép Thành lập Ngân hàng được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động Ngân hàng số**

0025/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0301378892

ngày 16 tháng 10 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 25 tháng 4 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Tài
Bà Nguyễn Thanh Phương
Ông Ngô Quang Trung
Ông Nguyễn Hoài Nam
Ông Vương Công Đức

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quang Trung
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Ông Lê Văn Bé Mười
Ông Phạm Anh Tú
Ông Lý Công Nha

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Bà Phan Thị Hồng Lan
Ông Võ Thanh Hải
Ông Lê Hoàng Nam

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 86 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 86.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh


Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh 3(h)(v), Thuyết minh 9(ii) và Thuyết minh 41(e) liên quan tới việc trích lập bổ sung dự phòng rủi ro đối với Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành. Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ về vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00279/1*2-19-2




Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2019

| | Thuyết minh | 30/06/2019 Triệu VND | 31/12/2018 Triệu VND |
|-------------|--|-------------------------|-------------------------|
| A | TÀI SẢN | | |
| I | Tiền mặt | 4 | 463.598 |
| II | Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 5 | 544.775 |
| III | Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | 6 | 5.327.243 |
| 1 | Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | | 4.607.343 |
| 2 | Cho vay các tổ chức tín dụng khác | | 719.900 |
| V | Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 17 | - |
| VI | Cho vay khách hàng | | 31.031.760 |
| 1 | Cho vay khách hàng | 7 | 31.416.706 |
| 2 | Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 8 | (384.946) |
| VIII | Chứng khoán đầu tư | 9 | 5.752.067 |
| 1 | Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | | 4.580.198 |
| 2 | Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | | 1.301.441 |
| 3 | Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | | (129.572) |
| X | Tài sản cố định | | 1.102.019 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 10 | 324.871 |
| a | Nguyên giá | | 460.132 |
| b | Giá trị hao mòn lũy kế | | (135.261) |
| 3 | Tài sản cố định vô hình | 11 | 777.148 |
| a | Nguyên giá | | 886.437 |
| b | Giá trị hao mòn lũy kế | | (109.289) |
| XII | Tài sản Có khác | | 2.851.698 |
| 1 | Các khoản phải thu | 12 | 1.491.934 |
| 2 | Các khoản lãi, phí phải thu | | 1.170.522 |
| 4 | Tài sản Có khác | 13 | 266.584 |
| 5 | Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | | (77.342) |
| | TỔNG TÀI SẢN | | 47.073.160 |
| | | | 46.551.614 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

| | Thuyết minh | 30/06/2019 Triệu VND | 31/12/2018 Triệu VND |
|-------------|---|-------------------------|-------------------------|
| B | NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| | NỢ PHẢI TRẢ | | |
| I | Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 14 | 60.706 |
| II | Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 15 | 8.216.916 |
| 1 | Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác | | 7.217.608 |
| 2 | Vay các tổ chức tín dụng khác | | 999.308 |
| III | Tiền gửi của khách hàng | 16 | 34.278.377 |
| IV | Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 17 | 2.705 |
| VI | Phát hành giấy tờ có giá | 18 | 10 |
| VII | Các khoản nợ khác | | 869.717 |
| 1 | Các khoản lãi, phí phải trả | | 817.649 |
| 3 | Các khoản phải trả và công nợ khác | 19 | 52.068 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 43.428.431 |
| | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| VIII | Vốn chủ sở hữu | 21 | 3.644.729 |
| 1 | Vốn của tổ chức tín dụng | | 3.171.009 |
| a | Vốn điều lệ | | 3.171.000 |
| b | Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định | | 1 |
| c | Thặng dư vốn cổ phần | | 8 |
| 2 | Quỹ của tổ chức tín dụng | | 173.532 |
| 3 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | (2.485) |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 302.673 |
| a | Lợi nhuận sau thuế kỳ này | | 38.266 |
| b | Lợi nhuận lũy kế kỳ trước | | 264.407 |
| | TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 3.644.729 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 47.073.160 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

| | | 30/06/2019 | 31/12/2018 |
|--|------------------------------|------------|------------|
| | | Triệu VND | Triệu VND |
| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | |
| 1 | Bảo lãnh vay vốn | 33 | 150.046 |
| 2 | Cam kết giao dịch hối đoái | 33 | 32.371.175 |
| | ▪ Cam kết mua ngoại tệ | 33 | 2.871.597 |
| | ▪ Cam kết bán ngoại tệ | 33 | 2.405.073 |
| | ▪ Cam kết giao dịch hoán đổi | 33 | 27.094.505 |
| 4 | Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 33 | 97.201 |
| 5 | Bảo lãnh khác | 33 | 1.335.573 |

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập



Bùi Thị Quanh
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lý Công Nha
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

| | | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------|---|----------------|----------------------------|-------------------------|
| | | | 30/06/2019 Triệu VND | 30/06/2018 Triệu VND |
| 1 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 22 | 1.795.962 | 1.455.028 |
| 2 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 23 | 1.377.052 | 1.035.122 |
| I | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự thuần | | 418.910 | 419.906 |
| 3 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 24 | 45.782 | 24.634 |
| 4 | Chi phí hoạt động dịch vụ | 24 | 17.524 | 14.715 |
| II | Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 24 | 28.258 | 9.919 |
| III | Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 25 | 19.622 | 33.628 |
| V | Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 26 | 21.646 | 38.993 |
| 5 | Thu nhập từ hoạt động khác | 27 | 20.680 | 2.569 |
| 6 | Chi phí hoạt động khác | 27 | 1.367 | 267 |
| VI | Lãi thuần từ hoạt động khác | 27 | 19.313 | 2.302 |
| VII | Lỗ từ góp vốn, mua cổ phần | | - | (77) |
| VIII | Chi phí hoạt động | 28 | 413.937 | 328.343 |
| IX | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 93.812 | 176.328 |
| X | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 29 | 45.915 | 117.935 |
| XI | Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau) | | 47.897 | 58.393 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
 Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho
 kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B03a/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

| | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------|----------------------------|----------------------------|
| | | 30/06/2019 Triệu VND | 30/06/2018 Triệu VND |
| XI Tổng lợi nhuận trước thuế (mang từ trang trước sang) | | 47.897 | 58.393 |
| 7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 30 | 9.631 | 10.211 |
| XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | 9.631 | 10.211 |
| XIII Lợi nhuận sau thuế | | 38.266 | 48.182 |
| | | | |
| | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
| | | 30/06/2019 VND/cổ phiếu | 30/06/2018 VND/cổ phiếu |
| XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 31 | 125 | 161 |

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập

 Bùi Thị Quanh
 Phó phòng kế toán

Người kiểm soát

 Lý Công Nha
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt


 Phạm Anh Tú
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 30/06/2019 30/06/2018
 Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | | | |
|----|---|-------------|-------------|
| 01 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | 1.629.685 | 1.362.609 |
| 02 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | (1.330.942) | (1.038.964) |
| 03 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | 28.258 | 9.919 |
| 04 | Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán | 39.618 | 74.871 |
| 05 | Thu nhập khác | 9.105 | 962 |
| 06 | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro | 1.474 | 810 |
| 07 | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | (387.147) | (325.425) |
| 08 | Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ | (2.424) | (649) |

| | | |
|--|-----------------|---------------|
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động | (12.373) | 84.133 |
|--|-----------------|---------------|

Những thay đổi về tài sản hoạt động

| | | | |
|----|---|-------------|-----------|
| 09 | (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | (158.700) | 240.000 |
| 10 | Giảm/(tăng) các khoản kinh doanh chứng khoán | 204.185 | (23.635) |
| 11 | Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 22.591 | 7.796 |
| 12 | Tăng các khoản cho vay khách hàng | (1.726.238) | (520.884) |
| 13 | Tăng/(giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản | 158 | (100) |
| 14 | Tăng khác về tài sản hoạt động | (180.368) | (109.739) |

Những thay đổi về công nợ hoạt động

| | | | |
|----|---|-----------|-----------|
| 15 | Tăng các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 60.706 | - |
| 16 | Giảm các khoản tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác | (487.294) | (150.015) |
| 17 | Tăng tiền gửi của khách hàng | 783.024 | 1.376.275 |
| 20 | Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 2.705 | 19.144 |
| 21 | Tăng khác về công nợ hoạt động | 3.941 | 20.752 |
| 22 | Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng | (9) | - |

| | | |
|--|--------------------|----------------|
| I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | (1.487.672) | 943.727 |
|--|--------------------|----------------|

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 30/06/2019 30/06/2018
 Triệu VND Triệu VND

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
|---|--|--------------------|------------------|
| 01 | Mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | (162.167) | (141.224) |
| 02 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22.455 | 9.952 |
| 03 | Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | (7) | - |
| 08 | Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | 31.460 | - |
| II | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | (108.259) | (131.272) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 01 | Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu | 76.005 | - |
| III | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | 76.005 | - |
| IV | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỶ | (1.519.926) | 812.455 |
| V | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỶ | 7.249.327 | 5.863.818 |
| VI | ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI | (2.485) | (11.321) |
| VII | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỶ (THUYẾT MINH 32) | 5.726.916 | 6.664.952 |

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập



Bùi Thị Quanh
 Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lý Công Nha
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này